

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ
Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh
về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt
và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung
Mục 1 Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 15/11/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 128/TTr-UBND về việc bãi bỏ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Mục 1 Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND.

Căn cứ Báo cáo số 83/BC-HĐND-KTNS ngày 27/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thẩm tra các dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 12 (cuối năm 2023), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X,

Sau khi nghiên cứu (Công văn số 3152/STNMT-CCBVMT ngày 01/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Công văn số 4492/STC-NS ngày 05/12/2023 của Sở Tài chính),

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu và giải trình về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Mục 1 Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND như sau:

1. Về đề nghị điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết thành: “Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2004 và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước”:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra. Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh tại dự thảo Nghị quyết đính kèm Báo cáo này.

2. Về đề nghị phân tích thêm về dự kiến phương án mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh và phương thức tổ chức thực hiện việc thu phí, tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định sau khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các Nghị quyết về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hiện hành trên địa bàn tỉnh:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra. Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình như sau:

2.1. Về dự kiến phương án mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh:

Theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 7% trên đơn giá nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (sau đây viết tắt là Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020) quy định: *Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.*

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức thu phí bằng với mức thu theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020, không đề xuất mức phí cao hơn với các lý do như sau:

- Qua tham khảo tại các tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, mức thu phí nước thải sinh hoạt tại các tỉnh trên là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch. Do đó, tỉnh Bình Phước thu mức 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch là phù hợp với khu vực chung.

- Theo quy định tại Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giá bán nước sạch trên địa bàn tỉnh năm 2023 của hộ gia đình trung bình khoảng 11.499 đồng/m³, đến năm 2026 thì giá bán nước trung bình khoảng 13.122 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế, phí). Do đó, khi tính toán mức thu phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) thì mức phí phải trả của người dân năm 2023 khoảng 1.150 đồng/m³, đến năm 2026 khoảng 1.312 đồng/m³. Ngoài ra, theo Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2022, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh là 83,99 triệu đồng/người/năm (khoảng gần 7,0 triệu đồng/người/tháng). Như vậy, với mức thu nhập bình quân đầu người khoảng 7,0 triệu đồng/người/tháng thì mức thu phí nước thải sinh hoạt 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là phù hợp, nếu áp dụng mức phí cao hơn thì sẽ gây khó khăn cho người dân.

2.2. Về phương thức tổ chức thực hiện việc thu phí, tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định:

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hiện hành trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thực hiện trình tự, thủ tục để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện quy định về thu phí, tỷ lệ để lại, quản lý sử dụng phí theo mức thu, tỷ lệ để lại theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 như sau:

2.2.1. Về phương thức tổ chức thực hiện thu phí:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 quy định về kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí đối với nước thải sinh hoạt như sau:

a) Trường hợp sử dụng nước từ tổ chức cung cấp nước sạch:

- Người nộp phí thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cùng với thanh toán tiền sử dụng nước sạch theo hóa đơn bán hàng cho tổ chức cung cấp nước sạch.

- Tổ chức thu phí thực hiện:

+ Mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn. Mở sổ sách kế toán theo dõi riêng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; không hạch toán vào doanh thu hoạt động kinh doanh số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp ngân sách nhà nước.

+ Hàng tuần, nộp số thu phí thu được vào tài khoản tạm thu phí. Hàng tháng, chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo, tổ chức thu phí nộp số tiền phí trên tài khoản tạm thu phí vào ngân sách nhà nước theo quy định.

+ Tổ chức thu phí kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm với cơ quan thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

b) Trường hợp tự khai thác nước để sử dụng:

- Hàng quý, người nộp phí kê khai phí (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020) với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn mở tại Kho bạc Nhà nước chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Căn cứ khai, nộp phí là số lượng nước tự khai thác sử dụng trong quý, giá bán nước sạch và mức phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020.

Người nộp phí phải nộp đủ số phí bổ sung theo Thông báo của tổ chức thu phí quy định tại điểm này (nếu có) trong thời gian 10 ngày kể từ khi có Thông báo.

- Tổ chức thu phí thực hiện:

+ Thẩm định Tờ khai phí, trường hợp không đúng với thực tế thì ra Thông báo nộp bổ sung hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

+ Mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn. Mở sổ sách kế toán để theo dõi riêng tiền phí bảo vệ môi trường thu được, theo dõi và quản lý, sử dụng phần tiền phí để lại theo khoản 1 Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020.

+ Hàng quý, chậm nhất là ngày cuối cùng tháng thứ hai của quý tiếp theo, tổ chức thu phí kê khai số phí bảo vệ môi trường thu được gửi cơ quan thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước

theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020.

+ Hàng năm, thực hiện quyết toán phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo.

c) Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán số tiền thu phí bảo vệ môi trường do tổ chức thu phí nộp vào chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước theo quy định.

2.2.2. Về tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 quy định:

- Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch.

- Để lại 25% cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

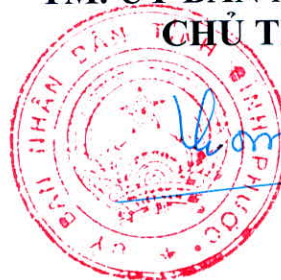
Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Mục 1 Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND. Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

(Gửi kèm: Dự thảo Nghị quyết đã chỉnh sửa)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP, P.KT, P.TH;
- Lưu: VT_(BH-06-BC-01/12).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2004
và Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và toàn bộ Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Mục 1 Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐND ngày 21/7/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Lý do: Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa kỳ họp thứ thông qua ngày..... tháng..... năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày....tháng..... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (BTP);
- TU, TT. HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm phục vụ hành chính công (đăng Công báo);
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH